TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: *118*/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-10-2018
V/v "tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Bà Đỗ Kim Phụng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Thạch Thị Ngọc Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên Tà:* Ông Lê Quốc Huy -Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp Khúc Tréo B, xã TP, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Trần T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp HV, xã AT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị N và anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày: chị và anh Trần T chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị có 02 người con chung tên Trần Hoài L, sinh ngày 16/02/2005 và Trần Bảo L, sinh ngày 18/11/2006. Quá trình chung sống vợ chồng cảm thấy không hòa hợp, bất đồng quan điểm, đã có nhiều lần

cùng nhau nói chuyện nhưng không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay. Do vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần T.

Về con chung: hiện nay 02 cháu Hoài L và Bảo L đang sống chung với anh Trần T nên chị N đồng ý tiếp tục giao cháu Hoài L và Bảo L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Mặc khác, hai cháu Hoài L và Bảo L cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với cha là anh Trần T.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết do không có.

Bị đơn anh Trần T: Thống nhất hoàn toàn với những lời trình bày nêu trên của chị N. Anh T cũng không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con và đồng ý cho chị N được thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 09, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị N và anh Trần T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao 02 cháu Trần Hoài L, sinh ngày 16/02/2005 và Trần Bảo L, sinh ngày 18/11/2006 cho anh Trần T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng, nợ chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Phan Thị N và anh Trần T thống nhất xác định có tổ chức lễ cưới khi về chung sống với nhau và thời điểm bắt đầu chung sống với nhau là năm 2004. Anh chị đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 9 luật hôn nhân gia đình về đăng ký kết hôn thì việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Mặc khác, theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì trường hợp của chị Phan Thị N và anh Trần T không được công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Phan Thị N và anh Trần T có 02 người con chung tên Trần Hoài L, sinh ngày 16/02/2005 và Trần Bảo L, sinh ngày 18/11/2006 đang sống với anh Trần T. Chị N và anh T thống nhất giao 02 cháu Hoài L và Bảo L cho anh Trần T tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ quy định tại Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thỏa thuận về nuôi con giữa chị Phan Thị N và anh Trần T.

[3] Về cấp dưỡng: Anh Trần T không yêu cầu chị Phan Thị N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị N và anh Trần T thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu và Hội đồng xét xử cũng không xem xét, giải quyết.

[5] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 09, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Phan Thị N và anh Trần T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Trần Hoài L, sinh ngày 16/02/2005 và Trần Bảo L, sinh ngày 18/11/2006 cho anh Trần T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Phan Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phan Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011406 ngày 18/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH được chuyển thu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự**;**
- VKSND huyện ĐH;
- Cơ quan THA huyện ĐH;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm